

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/12/2025

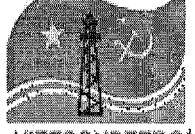
STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+BK6	7:25	13+9	0+0		12+10	0+0	
2		RP3+RC5+CTC1	7:25	20+0+0	0+0+0		12+8+2	0+0+0	CHUYEN 2 RC5-CTC1
3		CTK3+TD3+BK10	9:25	6+17+0	0+0+0		4+13+3	0+0+0	
4		P4+P10+PVD8	9:25	21+0+0	0+0+0		17+3+1	0+0+0	
5		PPD+RP2+RP3	11:25	19+0+0	0+0+0		7+5+9	0+0+0	
6		TTC1+PPD+BK3	11:25	13+8+0	0+0+0		0+19+0	0+0+0	CHUYEN 1 Ppd-BK3
7		CTC1+RC3+TD5	13:25	2+6+11	0+0+0		2+5+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY TD5(TTC3)-ING
2/ 2 NGƯỜI QTMTR ĐI SANG CTC1 VỀ CHUYẾN SAU



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD5 - BK6	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4830	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI KIEN ĐỨC*	TD5	87-89	3	13			86	SGC	Vietnamese
2	DAVYDOV DANIL	TD5	84	1	8			71	KHOAN	Russian
3	CHUSH MAKSIM	TD5	85	1	8			100	KHOAN	Russian
4	NGUYEN XUAN THE	TD5	79	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VĂN SỰ	TD5				1	8	80	KHOAN	Vietnamese
6	VY HUNG CUONG	TD5	86	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRUONG TRUNG	TD5	90	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH ANH TRUONG	TD5	81	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN THỨC	TD5	78	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
10	LUU VAN MANH	TD5	83	1	4			56	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG NGHĨA	TD5	80	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ NGUYỄN GIÁP*	TD5	76	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC CƯỜNG	TD5	77	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ MINH ĐỨC	BK6	90	1	12			71	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN THẮNG	BK6	91-92	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN CUONG	BK6	89-90	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN CÔNG MẠNH*	BK6	86-87	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM TIẾN SỸ	BK6	83	1	15	2	16	73	XAYLAP	Vietnamese
19	MAI VÕ TRUONG GIANG*	BK6	48-49	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN THANH	BK6	81	1	15	1	12	70	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HIẾU	BK6	88	1	10	1	12	76	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN CUONG	BK6	50-51	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	13	968	14	88	1	8	12		
2	BK6	9	633	14	145	4	40	10		
TOTAL		22	1.601	28	233	5	48	22		
WEIGHT KG			1.601		233		48			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RP3 - RC5 - CTC1	CREW: HUNG - MTHAO - VU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4834	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN XUAN SANG	RP3	11	1	3	7	107	58	KHI	Vietnamese
2	TRAN VAN SEN	RP3	15	1	5			68	KHI	Vietnamese
3	LAM TIEN PHI*	RP3	13	1	7			82	KHI	Vietnamese
4	LE NHU NGUYEN	RP3	27-28	2	7			63	KHI	Vietnamese
5	HO VAN LUONG	RP3	04	1	4			65	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN MINH VIEN	RP3	08-09	2	13			74	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CU	RP3	02	1	4			57	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	16	1	3			77	KHI	Vietnamese
9	ĐẶNG HUY KHÁNH	RP3	12	1	5			81	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HA	RP3	03	1	5			85	KHI	Vietnamese
11	PANKRATOV R.E	RP3	17	1	12			94	KHI	Russian
12	HA THE BAO	RP3						78	KHI	Vietnamese
13	PHAM VAN LAP	RP3						60	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VIET KY	RP3	14	1	4			71	KHI	Vietnamese
15	NGO NGOC HAN	RP3	10	1	8			65	KHI	Vietnamese
16	PHAM BINH NAM	RP3	18-19	2	19			60	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN DINH TUYEN	RP3	07	1	8			68	KHI	Vietnamese
18	PHAM VAN HUY	RP3	06	1	10			70	KHI	Vietnamese
19	HUYNH THE TAI	RP3	05	1	7			62	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LOAN	RP3	01	1	5			46	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO			
				PCS	WT				PCS	WT
1	RP3	20	1.384	21	129	7	107	12		
2	RC5	0	0	0	0	0	0	8+2		CHUYEN 02 PAX RC5-CTC1
3	CTC1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.384	21	129	7	107	22		
WEIGHT KG			1.384		129		107			

GRAND TOAL: 1.620 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

LE QUY HUNG

MAI VAN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:CTK3 - TD3 - BK10	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4831	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CAO MINH CUONG	CTK3	85	1	12			92	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN THANH HUNG	CTK3	81-82	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN HUU TRUONG	CTK3	77-78	2	15			72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOAN	CTK3	79-80	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN THAI QUAN	CTK3	83-84	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN XUAN PHUC	CTK3						70	SAN BAY	Vietnamese
7	ARUSHANOV SERGEI	TD3	13	1	9			120	KHOAN	Russian
8	BUI HUU VUNG	TD3	06	1	6			90	KHOAN	Vietnamese
9	LUU VAN SON	TD3	01	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN KIEM	TD3	08	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
11	DO MINH HAI	TD3	09	1	9			71	KHOAN	Vietnamese
12	VU TOAN THANG	TD3	02	1	8			76	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN HAI NAM	TD3						71	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN MINH THANG	TD3	11-12	2	14			124	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM TIEN CHUNG	TD3	05	1	3			95	KHOAN	Vietnamese
16	LE DANG KHOA	TD3	10	1	5			71	PSV	Vietnamese
17	LUONG XUAN DUOC	TD3	03-04	2	7			67	PSV	Vietnamese
18	DO XUAN CHINH	TD3	07	1	8			65	PSV	Vietnamese
19	TRAN BUU NAM	TD3	16	1	7			60	HA VIET	Vietnamese
20	BACH THANH BINH	TD3	14-15	2	15			60	HA VIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	6	442	9	77	0	0	5		
2	TD3	14	1.097	16	99	0	0	13		
3	BK10	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		20	1.539	25	176	0	0	21		
WEIGHT KG			1.539		176		0			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P4 - P10 - PVD8	CREW: HUNG - MTHAO - VU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT:		VNHS FLIGHT: TM25/4835	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ZAKLADNYI R.N.	P4	66	1	9			102	D-HANH	Russian
2	SHEREMETIEV A.V.	P4	68	1	10			79	KH-THAC	Russian
3	PHAM THE TRUONG	P4	64	1	5			75	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN DANG TUAN	P4	65	1	8			68	KHI	Vietnamese
5	PHAM TRAI	P4	59	1	6			58	KHI	Vietnamese
6	TA XUAN HIEU	P4	55	1	6			66	KHI	Vietnamese
7	Dinh NGOC QUY	P4	62	1	5			78	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TRUNG	P4	69	1	4			65	KHI	Vietnamese
9	LE TRUNG LAM	P4						71	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG TRUONG	P4						79	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAI	P4						70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VIET NGOC	P4	54	1	5			62	KHI	Vietnamese
13	PHAM DUC HIEP	P4						83	KHI	Vietnamese
14	LE HONG PHONG	P4	63	1	5			75	KHI	Vietnamese
15	PHAN HONG TAM	P4	60-61	2	9			62	KHI	Vietnamese
16	CHAKANOV VITALY	P4	56	1	8			71	KHI	Russian
17	PONOMARENKO EVGENY	P4	57	1	9			86	KHI	Russian
18	NGUYEN XUAN THONG	P4	71	1	8			59	KHI	Vietnamese
19	DO LE NGOC HOANG	P4	67	1	5			55	PSV	Vietnamese
20	DAO VAN DUNG	P4	58	1	5			72	PSV	Vietnamese
21	TO CONG TANH	P4	70	1	5			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	21	1.501	18	112	0	0	17		
2	P10	0	0	0	0	4	65	3		
3	PVD8	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.501	18	112	4	65	21		
WEIGHT KG			1.501		112		65			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: PPD - RP2 - RP3	CREW: DUONG - NPHU - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4832	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	05	1	6			68	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	04	1	6			60	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	01	1	3			77	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ NGỌC TÂN(*)	PPD	14	1	11			76	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	06	1	3			71	KHI	Vietnamese
6	HOÀNG MINH HIỆU	PPD	10-11	2	10			71	KHI	Vietnamese
7	LÊ MINH PHỤNG	PPD	21	1	8			78	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY TRƯỞNG(*)	PPD	13	1	3			70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	200	1	4			77	KHI	Vietnamese
10	KOLESNIK A.Y	PPD	15	1	10			101	KHI	Russian
11	PHẠM HAI QUANG	PPD	20	1	4			71	KHI	Vietnamese
12	CHU MINH PHƯƠNG(*)	PPD	19	1	9			87	KHI	Vietnamese
13	BUI THANH	PPD	12	1	3			63	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	08-09	2	8			77	KHI	Vietnamese
15	TRINH QUỐC THANH	PPD	16-17	2	9			104	KHI	Vietnamese
16	VŨ MẠNH HÙNG(*)	PPD	18	1	7			77	KHI	Vietnamese
17	TRẦN SƠN HẢI	PPD	07	1	5			74	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	02-03	2	16			83	KHI	Vietnamese
19	LƯU ANH TUẤN	PPD	99	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO LÊ SƠN	PPD	22-23	2	18			77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	20	1.534	25	148	0	0	8		
2	RP2	0	0	0	0	4	70	5		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		20	1.534	25	148	4	70	22		
WEIGHT KG			1.534		148		70			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

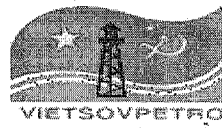
CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: TIM-3	TO:TTC1 - PPD - BK3	CREW: VIỆT - SON - THỤ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4836	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGÔ KIM NGHIỆP	TTC1	70	1	14	1	13	82	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY BAI	TTC1	82	1	19	2	25	85	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG TUYẾN	TTC1	80-81	2	10			61	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN TUẤN ANH	TTC1	76	1	10			72	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ TUẤN ANH	TTC1	74-75	2	16			78	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG SƠN	TTC1	79	1	11			72	CODIEN	Vietnamese
7	VÕ KIM THÔNG	TTC1	72-73	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ HỒNG VĂN	TTC1	77-78	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG ĐÌNH VINH	TTC1	99	1	13			64	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ANH NGỌC	TTC1	97-98	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH NINH	TTC1	95-96	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRƯỞNG	TTC1	31-32	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VĂN THANH	TTC1	94	1	12			75	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ DUY HAI	TTC1	500	1	3			74	PSV	Vietnamese
15	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	42	1	6			64	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TUNG BẠCH	PPD	44	1	9			65	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TUẤN	PPD	35-36	2	12			64	KHI	Vietnamese
18	PHẠM VĂN KÝ	PPD	37-38	2	18			74	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TỰ THANH	PPD	39-40	2	16			67	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN MẠNH	PPD	43	1	9			70	KHI	Vietnamese
21	CAO NGỌC THANH	PPD	41	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	14	989	21	200	3	38	0		
2	PPD	7	471	10	84	0	0	18	1	CHUYEN 1 PAX PPD-BK3
3	BK3	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	1.460	31	284	3	38	18		
WEIGHT KG			1.460		284		38			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: HONG-4	TO: CTC1 - RC3 - TD5	CREW: DUONG - NPHU - NNAM	ETA: 16:20
VSP FLIGHT:		VNHS FLIGHT: TM25/4833	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN NGOC THANH	CTC1	91-92	2	11	2	16	57	T-TIN	Vietnamese
2	LE VAN LOC	CTC1	94-95	2	20			59	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYEN CHI HA	RC3	80	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN VAN HOC	RC3	85	1	5	1	18	60	XAYLAP	Vietnamese
5	LE CONG THOI	RC3	81-82	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
6	DOAN VAN LINH	RC3	83-84	2	19	2	20	75	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG XUÂN THĂNG	RC3	02-03	2	20	1	18	68	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI THAI SON	RC3	04	1	10	1	17	65	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD5	42-43	2	11			67	D-HANH	Vietnamese
10	LUONG NGOC HOANG	TD5	93	1	8			75	DVL	Vietnamese
11	LE HOAI THIEN*	TD5	98	1	16	1	20	76	DVL	Vietnamese
12	PHAM ĐỨC THĂNG*	TD5	40-41	2	14			72	DVL	Vietnamese
13	MAI VAN DUONG	TD5	96	1	11			89	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THU	TD5	94	1	15			64	DVL	Vietnamese
15	TRAN VAN THUAT.	TD5	97	1	15			78	DVL	Vietnamese
16	TRAN VAN NGHIA*	TD5	99	1	15			79	DVL	Vietnamese
17	HOANG MINH THIEN	TD5	92	1	7			72	PSV	Vietnamese
18	TRAN ĐAC THANG	TD5	95	1	3			75	PSV	Vietnamese
19	VAN CONG THUY	TD5	91	1	9			61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	2	116	4	31	2	16	2	2	CHUYEN 2 PAX CTC1-RC3
2	RC3	6	398	9	87	5	73	5		
3	TD5	11	808	13	124	1	20	11		
TOTAL		19	1.322	26	242	8	109	18		
WEIGHT KG			1.322		242		109			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ